TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04/3/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tuấn Anh và bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 200/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh ngày 16/01/1991; số căn cước công dân: 035191001245; nơi thường trú và cư trú: Tổ C, phường L, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh ngày 01/7/1982; số căn cước công dân: 035082003398; nơi thường trú: Tổ C, phường L, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở: Tổ D T, phường L, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam (nay là Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn cuộc sống của vợ chồng

không có hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, không thể hàn gắn được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Từ đầu năm 2025 chị H đã chuyển ra ngoài ở riêng, không còn liên lạc gì với anh T. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Chị xác định chị và anh Bùi Văn T có 01 con chung là cháu Bùi Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/3/2009. Hiện nay cháu Quỳnh A đang ở với anh T. Khi ly hôn chị tự nguyện giao cháu Quỳnh A cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H xác định, chị và anh T không có con nuôi, con riêng, hiện chị không có thai sản gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Bùi Văn T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia tố tụng để giải quyết vụ án và chỉ có quan điểm "Không đến Tòa án làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật".

Tại bản tự khai của cháu Bùi Thị Quỳnh A thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị H đã chấp hành và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Bùi Văn T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị H. Xử cho chị Đỗ Thị H ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/3/2009 cho anh T nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T1 không có quan điểm.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị H xin ly hôn anh Bùi Văn T, đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh T có nơi thường trú và cư trú tại phường L, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam (nay là Ủy ban nhân dân phường L, tỉnh Ninh Bình) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 26/01/2008, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H xác định cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi, chửi nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần cùng với chính quyền địa phương đến nhà anh Bùi Văn T để giao Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T anh T đã trốn tránh và không hợp tác, qua đồng chí Tổ trưởng 4 T, phường L, tỉnh Ninh Bình cung cấp số điện thoại của anh T, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình đã liên lạc với anh T, qua điện thoại anh T có quan điểm "Không đến Tòa án làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật". Việc làm trên của anh T thể hiện sự bỏ mặc và gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H luôn có quan điểm mong muốn và kiên quyết được ly hôn anh T và chị xác định việc anh T không tham gia giải quyết việc chị kiện ly hôn tại Tòa án là cố tình gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, anh chị sống ly thân nhau đã lâu, xét khả năng chị H, anh T đoàn tụ về chung sống là không còn, vì vậy chấp nhận đề nghị của chị H, xử cho chị H ly hôn anh

T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Bùi Văn T có 01 con chung là cháu Bùi Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/3/2009. Hiện cháu Quỳnh A đang ở với anh T, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Quỳnh A sống cùng anh T và nguyện vọng của cháu Quỳnh A cũng xin được ở với anh T. Do vậy để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi của con chung; Hội đồng xét xử thấy cần giao cho anh T nuôi dưỡng cháu Quỳnh A, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu Quỳnh A.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Do chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh T không tham gia tố tụng tại Tòa án để trình bày quan điểm do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này. Nếu sau này chị H, anh T xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Đỗ Thị H ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao anh Bùi Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bùi Thị Quỳnh A, sinh ngày 05/3/2009 cho đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai số 0003526 ngày 10/12/2025 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị phải nộp (chị H đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Đỗ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Liêm Tuyền, tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng